

QUỐC DÂN ĐỘC BẢN CỦA ĐÔNG KINH NGHĨA THỰC

GƯƠNG CHIẾU HẬU NỀN KHOA CỬ NHO HỌC VIỆT NAM

NGUYỄN HẢI KẾ*

I. Năm 1907

Tại trường thi Hội ở Huế, các cống sĩ hăm hở vào kỳ thi với niềm sung sướng mà các khoá trước đó không có được là “vào ngay trường thi có thể đóng vi lẫn lộn, chứ không chia thành vi Giáp, vi Ất như các khoa thi trước”. Đó là kết quả lời tâu của Tổng tài Quốc sử quán Cao Xuân Dục được đích thân vua Thành Thái chuẩn phê.

Thi tại Hà Nội, với mục đích “Đông Kinh Nghĩa Thực đã biên soạn *Quốc dân độc bản* (1) gồm 79 bài soạn theo các chủ đề khác nhau: chính trị, xã hội, kinh tế, văn hoá, tư tưởng, giáo dục... có 4 bài trực tiếp bàn về giáo dục khoa cử, gồm:

Mục 34: Giáo dục

Mục 35: Giải thích về việc học

Mục 37: Bàn về cái hại của khoa cử

Mục 38: Bàn về sự không thi hành khoa cử cũng chẳng có hại

Trong đó, Đông Kinh Nghĩa Thực có những nhận xét sau đây về nền giáo dục Nho học:

- “Nước ta có khoa cử (2) mà không có trường học, những cũng chưa từng có tiếng là không có trường học”.

- Trường học nước ta lấy khoa cử làm mục đích, cho nên không phải ai cũng có chí trở thành công khanh đại phu, nhưng mặc dù dốt đặc, thì chí vẫn ở chỗ công khanh đại phu. Vậy nên họ cứ cầm đầu cầm cổ đọc những cuốn sách trống rỗng, không thiết thực, kiến thức thiếu thốn. Học xong đi thi hoặc mong ở chỗ văn hay hoặc sao chép những lời cũ rích. Bất hạnh mà hỏng thì trở về làm kẻ sĩ, làm thầy đồ, chờ thi khoa sau. Thế là suốt đời mong làm công khanh đại phu mà chẳng bao giờ được. May mắn thi đỗ ra làm quan, không thì cũng được đứng đầu một làng, một xã, cho như thế là vinh. Cho nên đứa trẻ mới lớn ba tấc, học được cách làm bài cũng đã vênh vào tự phụ sẽ là công khanh đại phu, không thêm ngang hàng với nông công thương, mà những người nông, công, thương giàu có cũng bắt con em bỏ nghề nghiệp của mình, theo con đường khoa cử, sĩ hoạn. Từ khi giao thông với các nước tiện lợi, họ lại cho con em họ học vài chữ Tây Âu để làm kẻ nuôi miệng, cho như thế làm thượng sách. Than ôi!

Không có nọc độc của khoa cử, làm sao đến nỗi hàng trăm thứ học bị bỏ phế, nhân tâm suy yếu như vậy! Chúng ta phải căm ghét, đau đớn vì tình trạng đó, không để thiếu niên chúng ta nhiễm lây cái nọc độc ấy nữa.

* PGS. TSKH. Khoa Lịch sử - Trường Đại học KHXH&NV - ĐHQGHN

Khoa cử và nhà trường là hai cái đối lập nhau, không thể cùng tồn tại sớm hay muộn cũng phải bỏ đi. Thiếu niên chúng ta phải ra sức học cái hữu dụng, chớ để cái học khoa cử phá hỏng chí hướng của mình.

... Giả sử bỏ thực học, cứ theo đòi khoa cử, thử hỏi đi thi được mấy người đỗ đạt, đỗ đạt được mấy người ra làm quan, làm quan mấy người hanh thông suốt đời.

Nói rằng bỏ khoa cử thì hết đường mưu sinh. Tôi không cho là thế. Tôi chưa hề thấy những người đi thi hỏng chết đói bao giờ. Theo tôi, bỏ được khoa cử là may to, còn như bất hạnh, không bỏ được thì thầy giáo phải dạy cho học trò trở thành người hữu dụng, người trí thức phải đề ra những nguyên tắc mới, biên soạn sách mới có ích cho mọi người trong nước, người thông hiểu văn tự Đông - Tây phải dịch những cuốn sách có ích để mở mang phong khí công, nông, thương phải có chí tiến thủ để khuếch trương nghề nghiệp. Trong thực nghiệp, chưa có cái nào không đem lại lợi ích quốc gia, xã hội cho nhân loại cả. Còn như nói rằng: Lòng người lấy việc làm quan là vinh hiển thì sẽ nhiễm mãi những tư tưởng hủ lậu của thói cũ mà thôi. Như thế thì quốc dân làm sao có thể tự lập được".

Quá sát ruột với mục đích "cốt mở mang dân trí hòng đặt cơ sở cho nền tân học" mà *Đông Kinh Nghĩa Thực* phủ định sạch trơn nền khoa cử Nho học gần 1.000 năm tồn tại chẳng?

II. Sử sách trước và sau văn tự hào là Quốc Tử giám - của Thăng Long dựng lên từ 1076, như là trường Đại học đầu tiên của Quốc gia Đại Việt. Rồi trải qua các triều Trần, Lê đến Nguyễn trường Nho học của Nhà nước còn tiếp tục mở đến cấp huyện (nhiều nơi còn có trường hàng Tổng).

Ngoài hệ thống trường "công lập" các vùng luôn có trường tư thực, nhất là vùng Thăng Long - Hà Nội - một trung tâm giáo dục tư thường xuyên và lớn, nơi luôn có những trường, những thầy giáo nổi tiếng. Cuối thế kỷ XIX, ở Hà Nội có thể kể đến các trường: Hào Nam của Phạm Quý Thích, Hồ Đình của Vũ Tông Phan; Phương Đình của Nguyễn Văn Siêu; Vũ Thạch của Nguyễn Huy Đức, Trường Tiến Song của thầy Ngô Văn Dạng, Trường Cúc Hiên của thầy Lê Đình Duyên...

Hiện thực đó, các yếu nhân của Đông Kinh Nghĩa Thực không phải không biết. Nhưng, khi xét về mục đích của việc học, việc giáo dục "*Mục đích là học gắn liền với Khoa cử, là ra làm quan nên có trường cũng như không có*".

Học để ra làm quan. Theo thống kê, thời Lê - Trịnh có 727 Tiến sĩ các bậc, có đến 712 người ra làm quan, còn lại 15 trường hợp thi:

- 4 trường hợp chưa kịp vinh quy đã mất (Bùi Công Tồn, Tiến sĩ năm 1685. Ngô Hưng Giáo - 1710, Nguyễn Thì Lượng - 1731, Nguyễn Huệ - 1733)

- 9 trường hợp không ghi lại hành trạng (Cần Văn Nhạ, Ngô Sách Thí, Lê Bình Trung, Nguyễn Hữu Đạo, Đặng Công Diễn, Lê Trọng Tín, Nguyễn Đình Giản, Lưu Định, Vũ Trọng Tử).

- Trường hợp duy nhất sau khi thi đỗ, cáo từ không ra làm quan là Nguyễn Huy Cẩn. *Đại Việt Sử ký tục biên* cho biết "*Thi Đình đáng đỗ đầu, vì thất cách bị truất xuống cuối bảng. Cẩn xin từ về không làm quan*".

Triều đình Đại Việt thời Lê sơ trở đi (ít nhất qua văn bia Tiến sĩ năm 1442) đã khẳng định "*Hiển tài là nguyên khí của quốc gia*", gắn liền với thịnh, suy của quốc gia. Và, cũng biết "*Dùng người không phải*

chỉ có một lối, chọn học trò không phải chỉ có một đường” (thi cử) mà còn có cả đề cử, tiến cử.

Vua chúa Việt Nam cũng đã từng dùng các hình thức này. Như thời Nguyễn chẳng hạn, chỉ tính từ Gia Long đến Tự Đức (1802 đến 1883) đã 40 lần ra chiếu chỉ cầu “người tài”. Vua Minh Mạng, 20 năm 1820-1840 “khát nhân tài như khát nước”, “luôn để trống chỗ bên cạnh mình để mong tìm được người tài” có đến 22 chiếu chỉ về cầu người tài.

Thế nhưng khi có tiến cử rồi, chính Minh Mạng lại bản khoán.

Năm 1822 sau nhiều lần thúc dục triều thần tiến cử, bọn Hàn lâm viện Hoàng Kim Hoán, Ký Lục Quảng Đức Ngô Bá Lâm đề cử

7 người, Minh Mạng lại bản khoán: “Khoa thi mùa Thu gần đến, bọn này nếu quả có thực học, sao không theo con đường khoa mục rộng rãi mà lại đi con đường tắt này. Vả lại nhân tài hiếm có, một ngày tiến cử đến bảy người như thế chẳng lạm dụng sao”. Thành thử, cuối cùng thì con đường “ra làm quan” về thực chất chính là qua thi cử.

Thi cử được dùng làm thước đo phổ biến nhất, cao nhất, cuối cùng chất lượng giáo dục Nho học.

Với thi Hương, tuy chưa có số liệu người thi từng trường, nhưng chỉ riêng khoa thi Giáp Ngọ năm Thành Thái thứ 6 (1894) tại trường thi Hà Nam có đến 9.700 người thi, chỉ lấy 60 người.

Còn sau khi đỗ thi Hương, là thi Hội, thì:

Bảng 1: Số người dự thi và lấy đỗ qua các khoa thi (từ 1604 đến 1748)

(Nguồn: Lịch triều tạp kỷ; 82 bia Tiến sĩ Văn Miếu)

Stt	Khoa thi	Số người dự thi	Số lấy đỗ
1	1604	Trên 5.000	7
2	1613	Hơn 1.000	4
3	1619	Vài ngàn	7
4	1623	Hơn 3.000	7
5	1637	Vài ngàn	20
6	1640	Trên 6.000	
7	1643	Trên 2.000	9
8	1652	Trên 2.000	9
9	1656	Dưới 3.000	6
10	1661	Gần 3.000	13
11	1670	Trên 2.000	31
12	1673	Trên 3.000	5
13	1676	Ngót 3.000	20
14	1680	Hơn 2.000	19
15	1683	Đến 3.000	18
16	1685	2.800	13
17	1691	Đến 3.000	11
18	1694	Hơn 2.000	5
19	1697	Tới 3.000	10
20	1700	Trên 2.000	19
21	1703	Đến 3.000	6
22	1706	Gần 3.000	5
23	1712	Hơn 2.000	17
24	1715	2.500	20

25	1718	Hơn 3.000	17
26	1721	Gần 3.000	25
27	1724	Gần 3.000	18
28	1727	Tới 3.000	10
29	1733	Gần 3.000	18
30	1739	Đến 3.000	8
31	1743	Hơn 2.000	7
32	1746	Dưới 2.000	4
33	1748	Đến 3.000	13

Trong 61 kỳ thi có 33 kỳ thi ghi rõ số lượng thí sinh, Trong đó năm cao nhất là 1640 trên 6.000, có gần 27 kỳ thi từ 2.000 người trở lên dự thi (3).

Nhưng phần lớn sỹ tử không phải chỉ thi một lần là đỗ !

Trong mục *nhân vật chí* của *Lịch triều hiến chương loại chí*, Phan Huy Chú nhắc đến trên 100 nhân vật từng qua thi cử Nho học ra làm quan. Trong đó chỉ có 4 trường hợp là: Nguyễn Công Hãng, Phạm Đình Trọng, Nguyễn Quang Nhuận, Lê Quý Đôn có kèm theo dòng chữ “*đi thi một lần đỗ ngay*”. Như vậy, nghĩa là 94/100 nhân vật ấy thi trên một lần mới đỗ. Gia phả hiện có của các dòng họ, dù rất kiêu hãnh về ông cha mình, vẫn đưa ra nhiều ví dụ về những người thi hơn một lần. Chẳng hạn Vũ tộc gia phả (Gia phả họ Vũ làng Mộ Trạch- Hải Dương): Vũ Đăng Hiến “*Thi hội mười khoa liền, đều trúng tam trường*”, Vũ Xuân Nhai “*Nhiều lần đi thi hội đều chỉ trúng trường...*”.

Không phải ngẫu nhiên mà trong kho tàng văn học chữ Hán của Việt Nam thật khó kể hết bao nhiêu bài thơ mừng hay đau khổ về chuyện thi đỗ, hay trượt. Chẳng hạn, thơ của Tiến sĩ Đoàn Huyền (1808 - 1882): *Tặng anh con Bác đi thi Hương; Làm thay Hội tư văn mừng ông Cử nhân ở Khúc Thủy; Thay lời mừng ông Cử nhân Văn Cốc; Mừng ông họ Đặng Văn Cốc đỗ*

Tiến sĩ; Tiến Cử nhân Hoàng Trung lên Kinh thi Hội; Mừng anh họ đỗ trường phủ... Và, đau khổ về trượt thi điển hình là hình ảnh của Tú Xương.

III. Lịch sử thi cử Nho học ở cả hai cấp thi Hương, thi Hội ở Việt Nam, lại luôn đi liền với các hiện tượng tiêu cực. *Đại Việt sử ký toàn thư*, dẫn ra các sự kiện có liên quan mỗi tề trong các kỳ thi Hương, thi Hội thế kỷ XVII-XVIII. Ít nhất là các dạng sau (Xem bảng 2):

IV. Triều đình từ đời Lê Sơ qua Lê - Trịnh đến Nguyễn hàng mấy trăm năm không phải không biết và đã tăng cường thay đổi các biện pháp với người đi thi, người coi, người chấm thi:

1. *Tăng cường khâu tổ chức kiểm tra phát hiện gian lận của thí sinh*

Năm 1499: *Ngày vào thi thí sinh bị khám xét rất ngặt ở cổng trường. Nếu có ai đem sách vở hay đi thi giùm thì bắt sung quân, ở bản phủ ba năm, trọn đời không được đi thi (lệ cấm mang sách vở, đi thi giùm vào kiểm soát ở sân. Ngày vào thi các giám sinh, sinh đồ có lý do gì đó đang ở quê thì phải tới trình diện, điểm danh tại bản phủ (lệ trình diện điểm danh bắt đầu từ đây), người nào vắng mặt bị phát giác thì bị sung quân ở bản phủ, người nào lên vào trường hoặc đi thi giùm đều bị trị tội như quy định*”.

Bảng 2: Các hình thức vi phạm quy chế trong thi Hương, thi Hội và thi Đình (thế kỷ XVII-XVIII)

TT	Các dạng “tiêu cực” trong thi cử	Các dẫn chứng	
		Trong thi Hương	Trong thi Hội - thi đình
1	Thí sinh mang sách vào trường thi	Các kỳ thi - 1664	Nguyễn Khiêm Hanh - 1757
2	Học trò thuộc bài văn mẫu, đều chép lại như nhau. Người chấm tùy ý phê duyệt lấy đỗ	Tình trạng trước 1711	
3	Đổi quyển thi cho nhau		Đình Thi Trung, Lê Quý Kiệt - 1775
4	Quan trường nhận hối lộ	Tham Chính Thanh Hoa Vũ Cầu Hối, Tham chính Sơn Tây Lê Chí Đạo - 1673	
5	Cạy quyển thế thân quen gửi gắm học trò, người quen, khi thi, khi chấm bài	Tham Chính Thanh Hoa Vũ Cầu Hối, Tham chính Sơn Tây Lê Chí Đạo - 1673	Phi Chúa Trịnh nhờ chấm bài cho em trai
6	Biết trước đề thi, làm bài sẵn mang vào		1786
7	Xoay tiền kẻ đi thi bằng cách quan làm việc ở trường thi mang giấu sách vào trường, ngâm cho gia nhân làm thay quyển thi đưa vào chấm để lấy đỗ	Ngô Sách Dụ - Phủ Doãn phủ Phụng Thiên - 1673	
8	Nhờ người làm bài hoặc làm bài sẵn cho người thi (?)	Giám thi trường Phụng Thiên -1717	Nguyễn Trật - 1623 (4).
9	Chấm bài thi sai quyển đáng đỗ cho trượt; thiếu điểm mà vẫn đỗ, chấm bài thi theo cảm tình	Tham Chính Sơn Tây Lê Chí Đạo- 1673	Trường hợp Nguyễn Văn Quang - 1631 - Ngô Thi Sỹ - 1776
10	Hạch sách tiền, của của người đã đỗ Tam trường, Tứ trường	Nha môn hai ty Thừa, Hiến - 1687	
11	Khảo hạch bài bữa bãi	Các trường thi Thanh-Nghệ, Phụng Thiên - 1698	
12	Sĩ tử đốt phá trường thi	Trường Nghệ An- 1743 Trường Thanh Hóa - 1774	

2. *Khảo hạch (kiểm tra lại chất lượng) số người đã thi đỗ ở tất cả các cấp, nhất là cấp thi Hương*

Năm 1511: *Tháng 3 định rõ lệ thi Hương giao cho xã trưởng lập sổ cung kết về học trò trong xã, cốt là có thực lực học chứ không kể số lượng nhiều ít đưa lên cho bản quan châu huyện khảo một kỳ ám tả, quan phủ huyện khảo ba bài kinh nghĩa, quan*

Thừa hiến hội đồng khảo thí như lệ... Nếu ai có tư tình, phát giác được thì bị trị tội”.

Năm 1664: *Thiên hạ cho rằng phần lớn những Sinh đồ trúng các khoa trước chưa phải là giỏi, bèn cho phúc khảo Sinh đồ các xứ đã đậu ba khoa Tý, Mão, Dậu, ở bãi cát giữa sông Nhị Hà. Người đạt vẫn là Sinh đồ, người không đạt thì được học thêm hai năm để dự thi Hương lần nữa. Nếu thi*

không đậu thì phải về làm dân, chịu sai dịch.

Những năm 1698, 1726, 1751, 1774... các đời chúa Trịnh đã tổ chức thi khảo lại các sinh đồ với số lượng lớn.

3. Thay đổi thể văn thi, cách ra đề, chấm thi

Năm 1711: *Lệ cũ quan trường ra đề, như văn tứ lục chẳng qua khoảng mười đề, phú chẳng qua năm, ba đề, đến nay đã thành nếp không hề thay đổi. Đến nỗi người học phần nhiều soạn sẵn truyền cho nhau học thuộc lòng, người thi cứ theo bài đã học chép ra nguyên văn. Quan trường khảo duyệt lại cho rằng các bài giống nhau là sự thường, cho nên điều cấm việc mang sách vở vào trường và đi thi giùm tuy nghiêm ngặt nhưng kẻ thi đậu phần nhiều lại không có thực học. Đến đây nghĩ cách thay đổi thói tục tệ đó.*

Năm 1720: *Nghị định rằng thi Hương trước đó đều do quan coi thi ra đề, đến đây bàn rằng vì kỳ thi thứ ba và thứ tư là dịp*

quyết khoa của sĩ tử, bèn đặc mệnh sai quan ở kinh tới phủ chúa nghị đề dâng trình, rồi sai người theo ngựa trạm chuyển về các trường. Riêng vùng Thanh - Nghệ ở xa thì vẫn giao cho các quan Hiến sát làm Khâm sai mở sách ra đề như cũ...”

4. Tăng hạn ngạch lấy đỗ

Nhưng, cái luẩn quẩn của các cải cách khoa cử của triều đình, nhất là thời Lê - Trịnh giống như *Con kiến mà leo cành đa, leo phải cành cộc leo ra leo vào, là ở chỗ nào: “bỏ văn sách luận thì làm văn bát cổ, bỏ văn bát cổ lại làm văn sách luận”*.

Tiêu cực trong khoa cử Nho học gần như là một thuộc tính, một căn bệnh “nan y” càng chữa càng lặn sâu, chữa triệu chứng này, nảy ra triệu chứng khác. Phan Huy Chú từng cho rằng chính qua thi cử là thể hiện suy thịnh của quốc gia.

V. Không phải chỉ đến *Đông Kinh Nghĩa Thục* mới nhận ra những bất cập của chế độ khoa cử này.

Bảng 3: Tăng hạn ngạch lấy đỗ trong thi Hương (từ 1720-1771)

Stt	Năm	Thi Hương
1	1720	Trường Sơn Nam
2	1726	Phủ Phụng Thiên Hạng Tam trường từ 100 lên 150 Hạng Tứ trường từ 10 lên 20
3	1743	Lấy thêm ngạch đỗ ở trường thi Hương vì đầu năm cảnh Hưng gặp nhiều thiên tai, binh lửa khoa thi trước phải hoãn
4	1768	Khôi phục lại số đỗ ở trường thi Sơn Nam
5	1771	Quy định số sinh đồ: + Trường Sơn Nam là 1.000. Tứ trường là 100 + Thanh Hóa 100 + Nghệ An, Kinh Bắc, Hải Dương, Sơn Tây: 80 + Phụng Thiên: 20 + An Quảng, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Bố Chánh; cứ 10 người đỗ thì lấy thêm 1 người

Từ thế kỷ XVIII - XIX, không có thế kỷ nào không có những người trần trố, phê phán về tình trạng khoa cử Nho học, từ nội dung, mục đích học tập, cách học, cách thi cử, chẳng hạn:

Thế kỷ XVIII, với những kiến nghị của Bùi Sĩ Tiêm, Ngô Thì Sĩ, Lê Quý Đôn...

Thế kỷ XIX, Nguyễn Trường Tộ (1828-1871) khi đề xuất "8 việc cần làm ngay" (Tế cấp bát điều) cho rằng đó là nền giáo dục "ngược đời" khi ông chỉ ra "*chúng ta câu nệ tập quán đời xưa sùng thượng văn chương phù phiếm nên chưa tung hoành bốn bể được... Hồi còn bé thì học văn từ, thi phú, đến khi lớn thì lại làm những việc thuộc luật, lịch, binh, hình... Hồi còn bé thì học Sơn Đông, Sơn Tây, ở đâu đâu, đến lớn làm việc thì lại đi Nam Kỳ, Bắc Kỳ.*

Hồi nhỏ thì học những sách thiên văn, địa lý, phong tục thời xưa của Trung Hoa (mà bây giờ họ đã sửa khác rồi), đến lớn đi làm lại phải theo thiên văn, địa lý chánh sự, phong tục của nước Nam không dính dáng gì đến sách học cả... Thật là giáo dục ngược đời" (5).

Đến *Đông Kinh Nghĩa Thục* thì hình thức phê phán này không chỉ dừng lại ở mức lý thuyết, ở từng điểm nữa, mà là chiếu hậu, là phê phán toàn bộ một hệ thống, là tuyên chiến quyết liệt bằng chính mô hình trên thực tế - dù chỉ tồn tại ngắn ngủi - nhưng rất rõ ràng, trên chính mảnh đất có lịch sử ngàn năm của truyền thống khoa cử - khoa hoạn. Sự quyết liệt và vĩ đại của *Đông Kinh Nghĩa Thục* với sự nghiệp giáo dục là ở chỗ này.

CHÚ THÍCH

(1). Xem lời giới thiệu trong *Thơ văn Đông kinh nghĩa thực*. Nxb. Văn hóa - Cục Lưu trữ Nhà nước - Viện Viễn đông Bác cổ Pháp, Hà Nội, 1997.

(2). Khoa cử trong *Từ điển Hán - Việt* của Đào Duy Anh giải thích: *Chế độ lựa chọn nhân tài ngày xưa*:

Đi với khoa cử có các thuật ngữ: - Khoa danh: Danh thứ những người thi đậu; Khoa đệ: Thứ bậc người thi đậu; Khoa giáp: - Khoa mục.

(3). Xem thêm: Nguyễn Bảo Trang. *Chính quyền Lê - Trịnh với thi hương, thi hội thế kỷ XVI-XVIII*. Khóa luận tốt nghiệp Khoa Lịch sử. Khoa 46. Hà Nội, 2005.

Lê Thị Thu Hiền: *Về các kỳ thi đình thế kỷ XVII- XVIII*. Luận văn Thạc sĩ Lịch sử. Khoa Lịch sử. Trường Đại Học KHXH&NV-ĐHQGHN, Hà Nội, 2006.

(4). Về sự kiện này, các sách chép không giống nhau: *Đại Việt sử ký toàn thư*, và *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* chép giống nhau "Nguyễn Trật ngầm mượn người làm bài, việc phát giác, Vương không bằng lòng, cho nên khoa ấy, không cho chọn bằng vàng".

Bia Tiến sĩ khóa 1623 viết "trong khi các sỹ tử làm bài, bỗng có Nguyễn Trật làm văn hơi sai thể thức. nên chỉ có 6 quyển được khảo duyệt mà thôi. Và lại theo lệ cũ, những người vào thi Đình thì không bị truất nên vẫn cho Trật đỗ cuối bảng.

Còn Trần Quốc Trần trong *Những chuyện lạ trong thi cử của Việt Nam thời xưa*. Nxb. Thanh Hóa, 2004 thì chép Trật tối dạ, mãi 40 tuổi mới thi hương, do thầy dặn bạn bè giúp.

(5). *Nguyễn Trường Tộ - con người và di cảo*. Trương Bá Cần tập hợp và giới thiệu. Nxb. Đà Nẵng, 1989.